

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 3 - 2024

V/v Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh

Ông Lê Văn Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Giồng Riềng, tỉnh Kg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Giồng Riềng, tỉnh Kg tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Giồng Riềng, tỉnh Kg xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh L, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp HT, xã NH, Huyện GR, tỉnh Kg.

- Bị đơn: Chị Thị Ng, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp HT, xã NH, Huyện GR, tỉnh Kg.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2023, anh Trần Thanh L nguyên đơn trình bày: Anh L và chị Ng tự tìm hiểu được hai bên gia đình chấp nhận tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hòa, Huyện Giồng Riềng, tỉnh Kg ngày 24/6/2014. Trong thời gian chung sống anh và chị Ng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cãi nhau.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp dù cHện nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày cũng như trong T cảm không có sự tin tưởng nhau. Mặc dù, vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội để khắc phục sửa chữa nếu kéo hôn nhân nhưng không có kết quả mà ngược lại ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nay anh xét thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với chị Ng và mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thị Ng.

Về con chung anh L xác định, anh và chị Ng có 02 người con Trần Thanh T, sinh ngày 30/4/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 30/5/2020, hiện hai con sống cùng với chị Ng. Nếu chị Ng đồng ý nuôi con thì anh giao con cho chị Ng nuôi dưỡng, anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi hai con đủ tuổi trưởng thành. Do hiện tại anh làm thuê thu nhập không ổn định nên không có khả năng cấp dưỡng theo yêu cầu của chị Ng. Nếu chị Ng xác định không đủ khả năng nuôi con thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Thị Ng bị đơn trình bày: Chị Ng xác nhận lời trình bày của anh L về hôn nhân; con chung; tài sản chung và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Nay anh L yêu cầu ly hôn chị không đồng ý ly hôn. Bởi hiện tại hai con còn nhỏ và mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Về con chung: Chị Ng xác định có 02 người con Trần Thanh T, sinh ngày 30/4/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 30/5/2020, hiện hai con sống cùng với chị. Nếu trường hợp anh L kiên quyết ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi con. Yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 1.800.000 đồng/01tháng cho đến khi hai con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Chị Ng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh L kiên quyết yêu cầu được ly hôn với chị Ng. Về con anh giao hai con chung cho chị Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/01tháng, cho đến khi hai con đủ tuổi trưởng thành.

Tại phiên tòa chị Thị Ng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L. Về con chung do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu xem xét. Về tài sản chung nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh L được ly hôn với chị Thị Ng.

Về con chung: Giao con Trần Thanh T, sinh ngày 30/4/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 30/5/2020, cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ghi nhận sự tự nguyện của anh L cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/01tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 07/4/2024, cho đến khi cháu T, cháu H đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung; nợ chung không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc anh Trần Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chị Thị Ng với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp HT, xã NH, Hện GR, tỉnh Kg nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Hện Giồng Riềng, tỉnh Kg.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trần Thanh L và chị Thị Ng là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 24/6/2014, tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Hòa, Hện Giồng Riềng theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh L cho rằng giữa anh và chị Ng luôn bất đồng

quan điểm sống, chị Ng ghen tuông vô cớ nên vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh không còn T cảm vợ chồng với chị Ng. Đối với bị đơn chị Thị Ng xác định việc anh L cho rằng chị ghen tuông là đúng nhưng do anh L đã có người phụ nữ khác nên chị mới ghen tuông dẫn đến vợ chồng cự cãi, nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có sự tin tưởng và sự chung thủy với nhau. Nhưng hai bên đều xác định vợ chồng có sự ghen tuông không tin tưởng nhau trong hôn nhân nên dẫn đến thường xuyên cự cãi. Trong quá trình hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã động viên các bên để hàn gắn cuộc hôn nhân, nhưng anh L kiên quyết yêu cầu được ly hôn với chị Thị Ng, dù Tòa án có giải quyết không chấp nhận cho anh ly hôn với chị Thị Ng anh cũng kiên quyết không sống cùng với chị Ng, vì anh đã không còn T cảm vợ chồng với chị Ng. Từ đó, xét thấy T cảm vợ chồng giữa anh L, chị Ng đã L vào T trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét thống nhất chấp nhận đề nghị của địa diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Thanh L được ly hôn với chị Thị Ng.

[2.2]. Về con chung: Sau khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, nhưng tại phiên tòa hai bên không thống nhất với nhau nên Hội đồng xét xử xem xét quyền lợi của con sau khi cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa chị Ng có ý kiến rằng hiện hai con còn nhỏ nên chị đề nghị anh L xem xét lại về việc ly hôn để vợ chồng cùng chăm sóc con, nhưng anh L kiên quyết ly hôn và đồng ý giao con chung cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy hôn nhân của anh L chị Ng đã không thể chung sống với nhau, để đảm quyền lợi về mọi mặt của các con nên giao hai con chung Trần Thanh T, sinh ngày 30/4/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 30/5/2020, cho chị Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, là phù hợp với nguyện vọng của cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn và cũng phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh L xác định anh làm thuê, thu nhập không ổn định nhưng anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 1.000.000 đồng/1tháng, cho đến khi hai con đủ tuổi trưởng thành. Xét thấy Trong quá trình giải

quyết vụ án chị Ng có ý kiến và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.800.000 đồng/1tháng, cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành, nhưng chị Ng không có căn cứ xác định anh L có thu nhập hàng tháng hơn 10.000.000 đồng, chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập của anh L. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa anh L xác định anh nghề làm xây dựng, sửa chữa, xây nhà nhỏ lẻ và làm thuê thu nhập không ổn định. Chị Ng không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh L có thu nhập như chị trình bày và chị cũng xác định anh L làm thuê theo từng công trình chứ không có ổn định, nên Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của chị Ng về thu nhập của anh L là không có căn cứ để xem xét. Đối với mức cấp dưỡng nuôi con là mức cấp dưỡng chi phí phù hợp cho con, nhưng do anh L không có thu nhập ổn định nên cần áp mức cấp dưỡng ít nhất bằng 2/3 mức lương cơ sở do Nhà nước quy định hiện tại là 1.800.000 đồng. Xét thấy mức cấp dưỡng của anh L tự nguyện cấp dưỡng cao hơn so với quy định nên ghi nhận sự tự nguyện của anh L cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/01tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 07/4/2024, cho đến khi cháu T, cháu H đủ tuổi trưởng thành.

Cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Anh Trần Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L, chị Ng xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Thanh L chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Tổng cộng Trần Thanh L phải nộp án phí 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), khấu trừ tạm ứng án phí L đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002144, ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Giồng Riềng, tỉnh Kg, anh L còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh L được ly hôn với chị Thị Ng.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 30/4/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 30/5/2020, cho chị Thị Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận tự nguyện anh Trần Thanh L cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 07/4/2024, đến khi cháu T, cháu H đủ tuổi trưởng thành.

Cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Anh Trần Thanh L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Tổng cộng Trần Thanh L phải nộp án phí 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), khấu trừ tạm ứng án phí L đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002144, ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Giồng Riềng, tỉnh Kg, anh Trần Thanh L còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Anh Trần Thanh L, chị Thị Ng có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kg;
- VKSND Hện Giồng Riềng;
- CCTHADS Hện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên